

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 104/2024/DS-ST
Ngày: 15-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Ngọc Minh

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Thanh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 265/2024/TLST-DS, ngày 11 tháng 7 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Phương T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số E, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số C, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:** Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số C, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 6 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Phương T trình bày:

Bà có tham gia dây hụi do bà H làm chủ hụi, hụi khai ngày 23/01/2022 (âm lịch), loại hụi ngày, mỗi ngày người tham gia phải đóng cho bà H số tiền 150.000 đồng/ 01 phần/ 01 ngày, bà đóng góp theo tháng, mỗi tháng đóng số tiền 4.500.000 đồng, hụi có thời hạn 15 tháng, là loại hụi có hoa hồng 1.500.000 đồng, bà tham gia 15 phần và đã đóng tiền hụi cho bà H 13 tháng, bà hốt trước 05 phần, bà H giao đủ tiền, hiện bà H còn nợ bà 1 phần với số tiền là 37.000.000 đồng, thì ngày 02/02/2023 (âm lịch) bà H tuyên bố vỡ hụi.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H và ông Nguyễn Văn T1 phải liên đới trả cho bà số tiền vốn hui còn nợ là 37.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, thanh toán một lần khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Kim H là bị đơn trình bày tại bản tự khai ngày 25/7/2024: Bà thống nhất có nợ nguyên đơn số tiền vốn hui là 37.000.000 đồng. Hiện nay do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, bà xin nguyên đơn cho thời gian khi nào bà bán được tài sản là các thửa đất sẽ thanh toán nợ.

Ông Nguyễn Văn T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày tại bản tự khai ngày 25/7/2024: Ông là chồng bà H, ông thống nhất trình bày của bà H, ông không có ý kiến bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị Phương T, có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hui với bà Nguyễn Thị Kim H, việc tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bà H cư trú tại huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Bà T, bà H và ông T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và các ông bà có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày thống nhất bà Nguyễn Thị Kim H có nợ bà Phạm Thị Phương T số tiền vốn hui là 37.000.000 đồng, đây là điều không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tuy nhiên, các đương sự không thống nhất thời gian thanh toán: Bà T yêu cầu bà H và ông Truyền thanh toán nợ một lần khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, bà H yêu cầu cho thời gian khi nào bà bán được tài sản là các thửa đất sẽ thanh toán nợ nhưng không được bà T đồng ý nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biểu, phường, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

[3] Xét nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ: Tại địa phương bà H làm chủ hui, tổ chức cho hui viên tham gia nhiều năm, là loại hui có hoa hồng nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình diễn ra trong thời kỳ hôn nhân với ông T1 và ông T1 cũng thống nhất nợ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 27, 30, 35 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Kim H liên đới thanh toán tiền vốn hui còn nợ cho nguyên đơn.

Ông T1 và bà H còn phải chịu tiền lãi chậm thanh toán nợ gốc theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông T1 và bà H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên, ông T1 và bà H có đơn xin miễn án phí với lý do là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 12, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hui của bà Phạm Thị Phương T đối với bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Văn T1.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Văn T1 phải liên đới thanh toán cho bà Phạm Thị Phương T số tiền vốn hui là 37.000.000 (ba mươi bảy triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bà Phạm Thị Phương T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 925.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008997 ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Kim H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh LA;
- Viện kiểm sát ND cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Ái Duy